

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2022/HS-PT
Ngày: 13/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Yên

Các thẩm phán: Bà Đỗ Thị Nhung

Ông Phạm Thành Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Đức - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 105/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Trần Thị M. Do có kháng cáo của bị cáo M đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 207/2021/HSST ngày 20/12/2021 của tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 144/2022/QĐXXPT-HS ngày 27 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 83A/2022/HS-QĐ ngày 11/5/2022;

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Thị M**, sinh năm 1977 tại Cà Mau; Giới tính: Nữ;

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện D, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Văn L (đã chết), con bà Nguyễn Thị G - sinh năm 1940; Chồng: Võ Văn C – sinh năm 1983 (đã ly hôn); Sống chung như vợ chồng với Nguyễn Văn N (không đăng ký kết hôn); Con: có 06 người con, trong đó có 02 con chung với Nguyễn Văn N (con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2004), có 04 con chung với Võ Văn C (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2019).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

- Ngoài ra còn có bị hại nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị M và bà Ngô Thị C quen biết với nhau từ năm 2010. Trong quá trình làm chung Công ty với nhau tại huyện L thì M nhiều lần nói với bà C là M có cục đồng đen giá trị hàng chục tỷ đồng để bà C tin tưởng và cho M mượn tiền. Ngày 23/02/2020, M điện thoại cho bà C giả vờ nói với bà C là M bị Ngân hàng siết nợ và muốn vay bà C 200.000.000 đồng, mục đích của M là muốn chiếm đoạt số tiền trên của bà C. Bà C nói mang đồng đen lên bà C cho vay. M đi đến cửa hàng phế liệu (không nhớ địa chỉ) mua 01 cục kim loại dài 17cm, đường kính 7,5cm, nặng 6,8kg bỏ vào một ống nhựa, cuốn băng dính màu xanh rồi bỏ vào thùng bìa catton bọc dán lại giả làm đồng đen. Đồng thời M làm giả 01 Hợp đồng mua bán thiên thạch và 01 hợp đồng cam kết mua bán để khi cần thiết thì đưa cho bà C để bà C tin tưởng giao tiền. Sau khi nghe M nói sẽ mang đồng đen lên, ngày 24/02/2020 thông qua dịch vụ chuyển tiền Viettel, địa chỉ xã Lộc An, huyện L, tỉnh Đồng Nai, bà C chuyển cho M số tiền 5.000.000 đồng. Cùng ngày, M mang theo thùng catton chứa cục kim loại trên đón xe Taxi từ nhà ở huyện D, tỉnh Kiên Giang đến thị trấn L gặp bà C. Đến 22 giờ 30 phút ngày 24/02/2020, bà C đón M tại chợ Mới L và dẫn M đến nhà nghỉ “Tuổi Trẻ” ở khu Cầu Xéo, thị trấn L để M nghỉ. Tại đây, M nói với bà C là cục đồng đen đang đựng ở trong thùng và dặn bà C là phải chờ ngày tốt mới được mở ra xem, bà C tin tưởng và mang về nhà cất giữ. Ngày 25/02/2020, bà C mang 40.000.000 đồng đến nhà nghỉ “Tuổi Trẻ” đem cho M, M cầm tiền về nhà. Sau đó trong khoảng thời gian từ ngày 27/02/2020 đến ngày 10/3/2020, thông qua dịch vụ chuyển tiền của Viettel, địa chỉ xã Lộc An, huyện L, tỉnh Đồng Nai, bà C chuyển tiền cho M 07 lần với tổng số tiền 94.000.000 đồng (cụ thể ngày 27/02/2020 chuyển 20.000.000 đồng, ngày 02/3/2020 chuyển 1.000.000 đồng, ngày 04/3/2020 chuyển 6.000.000 đồng, ngày 05/3/2020 chuyển 02 lần với số tiền 62.000.000 đồng và ngày 10/3/2020 chuyển 5.000.000 đồng). Đến ngày 23/3/2020, M tiếp tục hỏi mượn bà C 80.000.000 đồng còn lại, bà C nói người quen của bà C muốn xem đồng đen mới cho vay tiền và hẹn M ra huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình để đưa tiền. Cùng ngày, M và bà C gặp nhau tại bến xe Miền Đông và đón xe ô tô khách để đến nhà của bà Tống Thị Hải ở xóm 2, Ngọc Lâm, Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Đến ngày 25/3/2020, khi bà C và M đến nhà bà Hải thì bà Hải và con trai bà C là Kiều Văn Giang tháo hộp bìa caton kiểm tra thì phát hiện bên trong không phải đồng đen mà là cục kim loại. Bà C đã làm đơn tố cáo M gửi đến Công an xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, Công an huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình tiếp nhận tin báo chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng vụ án: 01 cục kim loại dài 17cm, đường kính 7,5cm, nặng 6,8kg; 02 mảnh băng dính; 04 mảnh bìa catton được cắt vụn, 02 cái kéo. Tất cả đã được niêm phong vào bên trong 01 thùng bìa catton kích thước (40,5 x 24 x 9,7) cm; 01 thẻ ngân hàng VietinBank (số thẻ 9704155242122580) mang tên Trần Thị M; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A31 tạm giữ của M; 01 điện thoại hiệu Iphone 7 Plus

tạm giữ của bà C; 01 hợp đồng mua bán thiên thạch và 01 hợp đồng cam kết mua bán.

Tại cáo trạng số 135/CT-VKSLT ngày 18 tháng 6 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo Trần Thị M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- *Tại bản án hình sự sơ thẩm số 207/2021/HS-ST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L:*

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị M** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị M: **03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

+ Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu huỷ 01 cục kim loại dài 17cm, đường kính 7,5cm, nặng 6,8kg; 02 mảnh băng dính; 04 mảnh bìa catton được cắt vụn, 02 cái kéo;

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo A31;

- Trả lại cho Trần Thị M 01 thẻ ngân hàng ViettinBank (số thẻ 9704155242122580) mang tên Trần Thị M.

(Vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo Quyết định chuyển vật chứng số 166/QĐ-VKS ngày 01/12/2020; Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 04/12/2020).

- Tịch thu, lưu giữ cùng hồ sơ vụ án 01 hợp đồng mua bán thiên thạch và 01 hợp đồng cam kết mua bán.

+ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 468, Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trần Thị M phải bồi thường cho bà Ngô Thị C số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định

- Ngày 27/12/2021 bị cáo có nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

Về thời hạn kháng cáo: Kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

Cấp sơ thẩm truy tố xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự tại địa phương nên cần có mức án tương xứng với hành vi, tính chất của tội phạm, tạo tính răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để tuyên phạt bị cáo mức hình phạt 03 (ba) năm tù là đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo tuy nhiên không cung cấp được tình tiết nào mới nên kháng cáo của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị M làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm, Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, muốn nhanh chóng có được tài sản để sử dụng vào mục đích trái phép mà không bỏ công sức lao động nên đã cố ý phạm tội. Vì vậy đưa bị cáo ra xét xử với mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của các bị cáo gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và răn đe phòng ngừa chung.

Tại cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử bị cáo 03 năm tù là phù hợp và thỏa đáng.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo kháng cáo xem xét lại bản án sơ thẩm và xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho kháng cáo của mình, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị cáo M là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì khi xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo hưởng trường hợp thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo M không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị M. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 207/2021/HSST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Trần Thị M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị M: 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Bị cáo Trần Thị M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận::

- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh ĐN
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện L;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vĩnh Yên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thành Dương

Đỗ Thị Nhung

Trần Vĩnh Yên

